

Số: 10/2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ Về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 13/2006/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá thuê đất và khung giá thuê mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 333/TTr-STC ngày 13 tháng 2 năm 2007 của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bảng đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2006/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh (*Theo biểu đính kèm Quyết định này*)

Điều 2. Các nội dung khác ngoài nội dung được điều chỉnh tại Điều 1 nêu trên vẫn được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2006/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm tổ chức, triển

khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

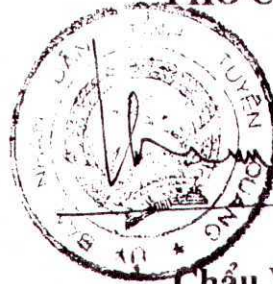
Quyết định này thay thế biểu đơn giá thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 13/2006/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá thuê đất và khung giá thuê mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Các ông (bà) Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: uh

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - Văn phòng Chính phủ | Báo |
| - Bộ Tài chính; | |
| - Cục KTVB - Bộ Tư pháp ; | |
| - Thường trực Tỉnh uỷ; | cáo |
| - T.T Hội đồng nhân dân tỉnh; | |
| - Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương | |
| - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ; | |
| - Như điều 4 (Thực hiện) ; | |
| - Các phó văn phòng UBND tỉnh | |
| - Các chuyên viên VP UBND tỉnh | |
| - Lưu VT (D .80). | |



[Handwritten signature]
Châu Văn Lâm



ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT

ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 210/2007/QĐ-UBND ngày 03/4/2007 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Đơn giá thuê đất áp dụng (Tính bằng tỷ lệ (%) so với giá đất có cùng mục đích sử dụng)
I	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư	
1	Các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010	0,25
2	Các xã thuộc khu vực còn lại	0,30
II	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và các mục đích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước thực hiện cho thuê đất	
1	Đối với đô thị	
1.1	Thị xã Tuyên Quang	1,50
1.2	Các huyện : Na Hang, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương	1,20
2	Đối với các vị trí ven trục đường giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch	
2.1	Thị xã Tuyên Quang	1,20
2.2	Các huyện: Na Hang, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương	1,00
3	Đối với khu vực nông thôn các vị trí còn lại	
3.1	Các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010	0,30
3.2	Các xã thuộc khu vực thị xã Tuyên Quang	0,70
3.2	Các xã còn lại thuộc các huyện: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương	0,50